

ĐÀO DUY ANH



~~VN-12205~~

026207

LỊCH SỬ CÁC MỆNH VIỆT NAM

Từ lúc đến 1930

án theo do các...

trann

~~VN-3722~~

ay của nhân dân

trung nghĩa sĩ,

xây lược Ph

tiếp diễ

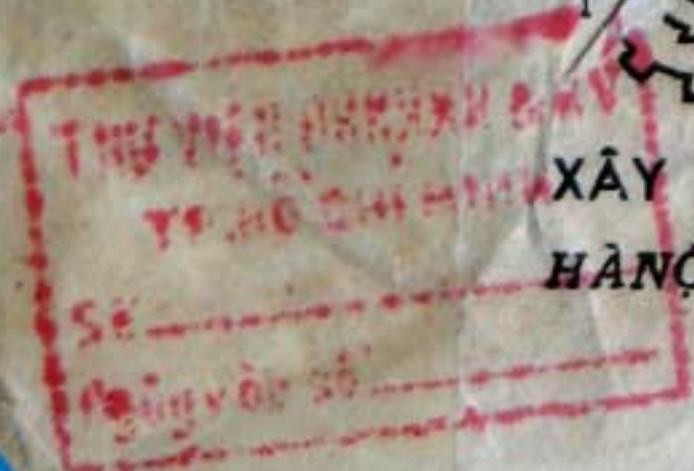
và

oa
dân



XÂY DỰNG

HÀ NỘI, 1955



3



US 8888

US 8888

US 8888



LỊCH SỬ CÁCH MỆNH VIỆT NAM

TỰ NGÔN

Lịch sử cách mệnh Việt-nam là lịch sử đấu tranh của dân tộc và nhân dân Việt-nam chống chủ nghĩa đế quốc xâm lược và chống chế độ phong kiến câu kết với đế quốc để bóc lột áp bức nhân dân và kìm hãm tiến bộ, tức là lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Lịch sử cách mệnh Việt-nam là lịch sử đấu tranh phản đế phản phong của dân tộc và nhân dân Việt-nam.

Lịch sử cách mệnh Việt-nam mở đầu bằng những cuộc nổi dậy của nhân dân Nam-bộ, tục gọi là khởi nghĩa Nam tưng nghĩa sĩ, để giải phóng đất nước, sau khi quân xâm lược Pháp mới chiếm ba tỉnh miền Đông, và còn tiếp diễn ngày nay bằng cuộc kháng chiến trường kỳ và bằng cuộc đấu tranh hòa bình để thực hiện thống nhất và hoàn thành dân chủ.

Trải qua hơn chín mươi năm, lịch sử cách mệnh gồm nhiều giai đoạn khác nhau. Vấn đề cần phải giải quyết trước hết là vấn đề phân kỳ. Trong sách

« Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử », Sta-lin đã nêu cho chúng ta cái nguyên tắc để nghiên cứu lịch sử, chỉ cho chúng ta phải do những biến hóa xảy ra trong quá trình phát triển của phương thức sản xuất, nghĩa là phải do sự biến hóa xảy ra trong cuộc phát triển của lực lượng sản xuất và của quan hệ sản xuất, biểu hiện trong cuộc phát triển của đấu tranh giai cấp, mà chia thời kỳ lịch sử. Để phân định thời kỳ của lịch sử cách mệnh Việt-nam, chúng ta cũng phải dựa vào tiêu chuẩn căn bản ấy.

Xét phương thức sản xuất thì trong thời gian tiến triển của cách mệnh Việt-nam, thấy có ba cuộc biến chuyển lớn là, từ phương thức sản xuất phong kiến cổ truyền chuyển sang phương thức sản xuất phong kiến và thực dân, rồi từ đó chuyển sang phương thức sản xuất dân chủ mới. Sự chia thời kỳ của lịch sử cách mệnh Việt-nam tất phải chiếu theo nguyên tắc biến chuyển của phương thức sản xuất như thế. Nhưng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, những cuộc cách mệnh của các dân tộc đều ít nhiều có quan hệ với phong trào cách mệnh trên thế giới. Do đó sự biến chuyển của cách mệnh Việt-nam tất cũng chịu ảnh hưởng của sự biến chuyển của cách mệnh thế giới. Trong bài *Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới*, Mao Trạch Đông nói : « Có hai loại cách mệnh thế giới, loại thứ nhất là cách mệnh thế giới thuộc phạm trù tư sản và tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ cách mệnh thế giới về loại ấy đã qua rồi, nó đã cáo chung ở lúc Thế giới đại chiến lần thứ nhất bùng nổ năm 1914, nhất là ở lúc Cách mệnh tháng mười Nga xảy ra năm 1917. Từ đó đã mở đầu thời kỳ cách mệnh

thế giới vô sản là xã hội chủ nghĩa. Cách mệnh loại này lấy giai cấp vô sản của các nước tư bản chủ nghĩa làm quân chủ lực, lấy các dân tộc bị áp bức ở các thực dân địa và bán thực dân địa làm quân đồng minh. Bất luận trong các dân tộc bị áp bức ấy, những giai cấp, đảng phái hoặc cá nhân tham gia cách mệnh là giai cấp, đảng phái và cá nhân gì, lại bất luận ý thức của họ có nhận rõ điểm ấy hay không, chủ quan của họ có hiểu rõ điểm ấy hay không, chỉ cần họ phản đối chủ nghĩa đế quốc thì cách mệnh của họ đã thành một bộ phận của cách mệnh thế giới vô sản và xã hội chủ nghĩa rồi, thì họ đã thành quân đồng minh của cách mệnh thế giới vô sản và xã hội chủ nghĩa rồi ». Như vậy thì sự chia thời kỳ lịch sử cách mệnh Việt-nam cũng phải chiếu theo sự biến chuyển của cách mệnh thế giới theo hai phạm trù kể trên. Nhưng sự biến chuyển của cách mệnh thế giới vẫn cũng là do sự biến chuyển của quan hệ sản xuất qui định. Cho nên cái nguyên tắc căn bản để phân kỳ cho lịch sử cách mệnh vẫn là nguyên tắc căn cứ vào sự biến chuyển của quan hệ sản xuất. Theo nguyên tắc biến chuyển của cách mệnh thế giới thì cách mệnh Việt-nam tất phải chia làm hai thời kỳ lớn : Thời kỳ thứ nhất thuộc phạm trù cách mệnh tư sản, bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa của Nam trung nghĩa sĩ cho đến 1917 ; thời kỳ thứ hai thuộc phạm trù cách mệnh vô sản, bắt đầu từ 1917 cho đến khi cách mệnh hoàn toàn thành công.

Mỗi thời kỳ ấy lại theo sự biến chuyển của quan hệ sản xuất trong nước làm bối cảnh cho hoạt động cách mệnh mà chia làm mấy giai đoạn.

Thời kỳ thứ nhất gồm hai giai đoạn . giai đoạn thứ nhất cáo chung với cuộc thất bại của phong trào Cần vương, giai đoạn thứ hai cáo chung với cuộc thất bại của phong trào Việt-nam Quang phục hội trong Thế giới đại chiến lần thứ nhất. Thời kỳ thứ hai gồm ba giai đoạn, giai đoạn thứ nhất từ 1917 đến 1930 là khi Đông-dương Cộng sản đảng ra đời, giai đoạn thứ hai từ 1930 đến Cách mệnh tháng tám, giai đoạn thứ ba mở đầu từ Cách mệnh tháng tám và vẫn diễn hành ngày nay.

Cách chia thời kỳ cách mệnh ở đây có chỗ khác với những cách chia người ta thường theo từ trước đến nay. Cách chia thông dụng nhất cho rằng lịch sử cách mệnh Việt-nam gồm ba thời kỳ : thời kỳ do phong kiến lãnh đạo, từ cuộc khởi nghĩa Nam trung nghĩa sĩ đến cuộc thất bại của Việt-nam Quang phục hội, thời kỳ do tư sản lãnh đạo, từ sau Thế giới đại chiến lần thứ nhất đến 1930, thời kỳ do vô sản lãnh đạo, từ lúc thành lập của Đông-dương Cộng sản đảng đến ngày nay.

Lối phân kỳ này căn cứ vào thành phần lãnh đạo cách mệnh. Đánh rằng mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn cách mệnh có những lực lượng tham gia cách mệnh và những thành phần lãnh đạo cách mệnh không giống thời kỳ khác, giai đoạn khác, và điều ấy tỏ rằng tính chất của cách mệnh mỗi kỳ và mỗi đoạn một khác. Nhưng cái yếu tố cơ bản qui định tính chất của cách mệnh, cũng như quy định các lực lượng tham gia và thành phần lãnh đạo cách mệnh, là quan hệ sản xuất ở trong nước và trên thế giới. Vậy thì căn

cứ theo thành phần lãnh đạo để qui định tinh chất của cách mệnh mà chia thời kỳ là dựa vào hiện tượng phụ, vào hình thức, chứ không phải dựa vào thực chất, vào nội dung của cách mệnh.

Nhưng để đánh giá đúng lối phân kỳ ấy, sau khi xét vấn đề về phương diện nguyên tắc, chúng ta lại cần đi vào nội dung cụ thể của nó.

..

Theo lối phân kỳ ấy thì thời kỳ cách mệnh thứ nhất do phong kiến lãnh đạo, gồm trong khoảng từ 1862 đến Thế giới đại chiến lần thứ nhất, là lúc Việt-nam Quang-phục hội tan rã. Cứ bề ngoài mà xét thì từ phong trào Nam trung nghĩa sĩ, phong trào Cần vương, đến Duy tân hội, Đông-kinh nghĩa thực, Việt-nam Quang phục hội, thành phần lãnh đạo đều là những phần tử phong kiến ái quốc. Nhưng xét nội dung của phong trào thì thấy có hai tinh chất khác nhau. Các thân hào Nam trung và các thân hào Cần vương, từ Trương Định đến Hoàng Hoa Thám, chỉ nhằm mục đích đánh đuổi quân xâm lược để khôi phục Nhà nước phong kiến với nền quân chủ chuyên chế, trên cơ sở kinh tế và xã hội cũ. Tinh chất cách mệnh bấy giờ là thuần túy chống ngoại tộc xâm lăng, động lực cách mệnh là những phần tử ái quốc của tất cả các tầng lớp nhân dân, nhất là nông dân và địa chủ phong kiến. Thành phần lãnh đạo cách mệnh là những phần tử ưu tú trong giai cấp phong kiến, một số hào mục, sĩ phu, quan lại, tức là những thân hào ái quốc. Sau cuộc thất bại của phong trào Cần vương ở cuối thế kỷ 19 thì các văn thân của phong trào Duy tân hội, Đông-kinh

nghĩa thực và Việt-nam Quang phục hội cũng hoạt động nhằm mục đích chủ yếu là đánh đuổi bọn đế quốc thực dân, nhưng để đạt mục đích ấy thì họ lại chủ trương khai trí trí sinh làm hậu thuẫn. Về chính trị thì buổi đầu họ chủ trương chế độ quân chủ lập hiến và về sau thì chủ trương chế độ dân chủ cộng hòa. Những văn thân lãnh đạo phong trào không phải là những nhà nho chính thống của thế hệ trước nữa, mà là những thanh niên nho học đã thấm nhiễm tư tưởng mới của các nhà cách mệnh tư sản Tây-phương và Nhật-bản, do những tân thư của Trung-quốc truyền đạt. Tinh chất cách mệnh bấy giờ căn bản là phản đế mà kèm theo cả phản phong. Động lực cách mệnh cũng bao gồm những phần tử ưu tú của tất cả các tầng lớp nhân dân, trong ấy có những tầng lớp mới bắt đầu hình thành dưới chế độ thực dân, tiểu tư sản, tư sản và công nhân. Thành phần lãnh đạo cách mệnh là những thanh niên nho học tiến bộ, con em của các nhà ái quốc Cần vương, tức là những phần tử phong kiến tiến bộ và cải cách.

Xem thế thì thấy rõ rằng thời kỳ cách mệnh ấy chia làm hai giai đoạn khác nhau, không thể xò bỏ gọi là thời kỳ cách mệnh do giai cấp phong kiến lãnh đạo mà không phân biệt. Chúng ta lại phải nhấn mạnh rằng tuy trong hai giai đoạn những thành phần lãnh đạo cách mệnh là thuộc giai cấp phong kiến cả, nhưng bối cảnh xã hội của phong trào và tư tưởng lãnh đạo của nó ở mỗi giai đoạn lại mỗi khác. Ở giai đoạn thứ nhất, xã hội Việt-nam còn ở trên cơ sở kinh tế phong kiến cũ. Tư tưởng của các thành

phần lãnh đạo chưa thoát khỏi ý thức hệ phong kiến chính thống. Những cuộc khởi nghĩa chống thực dân xâm lược bấy giờ vốn chưa có liên hệ gì với phong trào cách mệnh tư sản của thế giới đương thời. Phải sang giai đoạn thứ hai, khi xã hội đã bắt đầu có cơ sở kinh tế thực dân thì vận động cách mệnh của ta mới có liên hệ với phong trào cách mệnh trên thế giới, đặc biệt là với phong trào ở Nhật-bản và ở Trung-quốc. Nhưng xét chung quá trình phát triển của cách mệnh thì thấy giai đoạn thứ nhất chính là bước đầu phải kinh qua để chuyển sang giai đoạn thứ hai. Đối với giai đoạn thứ hai nó chính là giai đoạn chuẩn bị, về tư tưởng cũng như về cán bộ : tư tưởng cách mệnh của các thanh niên nho học ở giai đoạn sau chính là kế thừa tinh thần ái quốc của cha anh họ ở giai đoạn trước, mà trong số cán bộ hoạt động ở phong trào sau, không những phần nhiều là được rèn luyện dưới ảnh hưởng của phong trào trước, mà một số chính lại là những cán bộ đã từng hoạt động ở phong trào trước còn sót lại. Như vậy thì giai đoạn thứ nhất không thể tách rời giai đoạn thứ hai, cho nên nó cùng với giai đoạn thứ hai gồm thành một thời kỳ. Xem giai đoạn chính của thời kỳ này là giai đoạn thứ hai, thì thấy tuy rằng những phần tử lãnh đạo đại khái vẫn là xuất thân từ giai cấp phong kiến, nhưng xét chủ trương khai trí trí sinh cùng những chủ trương quân chủ lập hiến và dân chủ cộng hòa của họ thì rõ ràng thấy tư tưởng chủ đạo của họ là thuộc về ý thức hệ tư sản. Vì điều kiện đặc biệt của nước ta chưa khiến trong xã hội bấy giờ này nở được giai cấp tư sản mạnh mẽ đứng ra lãnh đạo cách mệnh, nên vai trò lãnh đạo lại do những phần tử

phong kiến tiến bộ đảm đương. Nhưng hành động của họ là phản đối chế độ thực dân câu kết với phong kiến phản động nhằm mục đích xây dựng nước nhà trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, theo gương cách mệnh tư sản Nhật-bản đã thành công và cách mệnh tư sản Trung-quốc đang tiến triển. Mặc dầu do những phần tử phong kiến lãnh đạo, cách mệnh ở thời kỳ này là thuộc phạm trù cách mệnh tư sản và tư bản chủ nghĩa.

∴

Thời kỳ thứ hai gồm ba giai đoạn. Chúng ta đã biết có chủ trương cho rằng giai đoạn thứ nhất từ 1917 đến 1930 là thời kỳ cách mệnh do giai cấp tư sản lãnh đạo. Sau Thế giới đại chiến lần thứ nhất, giai cấp tư sản còn có thể lãnh đạo cách mệnh được không? Lớn mạnh như giai cấp tư sản Trung-quốc đã đủ sức thực hiện cuộc cách mệnh Tân-hợi mà đến sau Thế-giới đại chiến, sau Cách mệnh tháng mười Nga, còn không thể đảm đương nổi vai trò lãnh đạo cách mệnh, huống là giai cấp tư sản Việt-nam yếu ớt hơn nhiều. Thực ra thì sau Thế giới đại chiến, giai cấp tư sản Việt-nam cũng đã thành một lực lượng xã hội mới, có yêu cầu xây dựng một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dân tộc. Nhưng sống dưới sự che chở của tư bản thực dân, những phần tử tiến bộ nhất trong giai cấp tư sản Việt-nam mà phần lớn là tư sản mại bản, cũng chỉ có hoài vọng được tư bản thực dân nới tay áp bách và đối đãi « khoan hồng ». Dẫu rằng có lúc ở Nam-kỳ, trong khoảng 1925-1926, họ có tổ chức chính đảng (Đảng Lập hiến), xuất bản báo chí để đấu tranh cho quyền lợi của họ, nhưng yêu